

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 104/2021/HNGĐ-ST

Ngày 03-11-2021

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Hồng Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Minh Trọn.

Ông Trần Hoàng Giang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa:
Ông Huỳnh Văn Kil - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 138/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2021 về ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 304/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Võ Thị U, sinh năm 1981 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp S, xã N, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1983 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp S, xã N, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21 tháng 4 năm 2021 và tại phiên tòa, chị Võ Thị U trình bày: Vào năm 2005 chị và anh Nguyễn Văn T kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã N, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 05 tháng 5 năm 2008. Trong quá trình chung sống từ năm 2014 giữa chị và anh T xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh T không

chăm lo cho cuộc sống gia đình nên chị và anh T đã sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Vì cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể hàn gắn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn T. Về con chung, có một người tên là Nguyễn Văn S (giới tính nam), sinh ngày 08 tháng 9 năm 2006. Con chung hiện do chị trực tiếp nuôi dưỡng nên khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung chị chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do. Đồng thời, cũng không cung cấp lời khai, tài liệu, chứng cứ liên quan đến yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị U.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Về tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị U ly hôn với anh T. Giao một người con chung tên là Nguyễn Văn S (giới tính nam), sinh ngày 08 tháng 9 năm 2006 cho chị U tiếp tục nuôi dưỡng, anh T không cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Việc chị Võ Thị U khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn T là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn anh Nguyễn Văn T cư trú tại ấp S, xã N, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét về hôn nhân, chị Võ Thị U và anh Nguyễn Văn T kết hôn và có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nên hôn nhân giữa chị Võ Thị U và anh Nguyễn Văn T là hôn nhân hợp pháp. Chị U yêu cầu ly hôn anh T vì cho rằng quá trình chung sống giữa chị U và anh T xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh T không chăm lo cho cuộc sống gia đình, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên anh, chị đã sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay mà không hàn gắn, đoàn tụ được. Quá trình giải quyết vụ án anh T không có ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của chị U cũng như không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều đó cho thấy tình trạng hôn nhân giữa chị U và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chấp nhận cho chị Võ Thị U ly hôn với anh Nguyễn Văn T là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung, có một người tên là Nguyễn Văn S (giới tính nam), sinh ngày 08 tháng 9 năm 2006, chị U yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng. Anh T không có ý kiến phản đối với yêu cầu của chị U. Xét thấy, từ khi các đương sự sống ly thân cho đến nay con chung do chị U trực tiếp nuôi dưỡng, do đó nhằm để ổn định về điều kiện môi trường sống và đảm bảo sự phát triển bình thường của con chưa thành niên nên giao cho chị U tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Chị U không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét.

[4] Chị Võ Thị U xác định tài sản chung và nợ chung chưa yêu cầu giải quyết, anh Nguyễn Văn T không có ý kiến về vấn đề trên nên không đặt ra xem xét.

[5] Do đó, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ để chấp nhận.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chị Võ Thị U phải chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng các Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Võ Thị U ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao chị Võ Thị U trực tiếp nuôi dưỡng Nguyễn Văn S (giới tính nam), sinh ngày 08 tháng 9 năm 2006. Anh Nguyễn Văn T không cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chị Võ Thị U phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0012351, ngày 23 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau nên chị Võ Thị U đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9

Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hồng Huệ